

Số: **5045** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp
ngành Xây dựng trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng về ban hành Hệ thống chỉ tiêu ngành Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 13529/TTr-SXD-VP ngày 22 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng trên địa bàn thành phố.



Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cơ quan báo, đài TP;
- VPUB: Các PCVP;
- Trung tâm công báo;
- Phòng ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT-TN) HI. *12*.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan

QUY ĐỊNH
Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp
ngành Xây dựng trên địa bàn Thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số **5015** /QĐ-UBND
ngày **25** tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chế độ thông tin, báo cáo các chỉ tiêu thống kê quốc gia ngành Xây dựng và tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng để tổng hợp báo cáo theo phân cấp và phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

Quy định này không áp dụng đối với thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc thông tin, báo cáo

1. Cung cấp chính xác, đầy đủ các nội dung quy định trong biểu mẫu.
2. Kiểm tra, rà soát số liệu đảm bảo tính thống nhất.
3. Báo cáo, cung cấp số liệu đúng thời gian quy định.
4. Đảm bảo tính liên tục.

Chương II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 4. Các biểu mẫu báo cáo

1. Các biểu mẫu báo cáo để thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc các lĩnh vực của ngành Xây dựng được ban hành tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản (**25 biểu mẫu**); Thông tư

số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng, áp dụng trên địa bàn thành phố được nêu tại Phụ lục (**13 biểu mẫu**). Phần thuyết minh giải thích các thông tin có liên quan đến thông tin thống kê trong phần mẫu báo cáo được nêu tại Phụ lục II ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng.

2. Các biểu mẫu báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng áp dụng trên địa bàn thành phố được nêu tại Phụ lục (**gồm 13 biểu mẫu**) ban hành theo Quyết định này.

Điều 5. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng làm đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo gồm: Cơ quan đầu mối cấp thành phố (Sở Xây dựng), cấp quận (Ủy ban nhân dân quận, huyện), cấp phường (Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn).

1. Biểu báo cáo số 01/BCDB về tổng số công trình khởi công xây dựng mới trên địa bàn

Báo cáo 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu đô thị Thủ Thiêm thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp chung, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 6, ngày 15 tháng 12 và ngày 15 tháng 02 năm sau.

2. Biểu báo cáo số 02/BCDP về tổng số giấy phép xây dựng được cấp và số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng trên địa bàn

Báo cáo 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu đô thị Thủ Thiêm thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp chung, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 6, ngày 15 tháng 12 và ngày 15 tháng 02 năm sau.

3. Biểu báo cáo số 03/BCDP về tổng số sự cố về công trình xây dựng

Báo cáo năm: Ủy ban nhân dân quận huyện, thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

4. Biểu báo cáo số 04/BCDP về tổng số công trình được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng

Báo cáo năm: Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu đô thị Thủ Thiêm thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp chung, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

5. Biểu báo cáo số 05/BCĐP về tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

Báo cáo năm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

6. Biểu báo cáo số 06/BCĐP về số lượng và dân số đô thị

Báo cáo năm: Cục Thống kê thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

7. Biểu báo cáo số 07/BCĐP về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị riêng

Báo cáo năm: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Khu đô thị Thủ Thiêm thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

8. Biểu báo cáo số 08/BCĐP về diện tích đất đô thị

Báo cáo năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

9. Biểu báo cáo số 09/BCĐP về dự án đầu tư phát triển đô thị

Báo cáo năm: Sở Xây dựng thực hiện và gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

10. Biểu báo cáo số 10/BCĐP về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

Báo cáo năm: Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

11. Biểu báo cáo số 11/BCĐP về số lượng nhà ở, diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng

Báo cáo năm: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện, chậm nhất ngày 05 tháng 12; Ủy ban nhân dân quận, huyện tổng hợp và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo ước tính, ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo chính thức; Sở Xây dựng tổng hợp chung, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

12. Biểu báo cáo số 12/BCĐP về công sở cơ quan hành chính nhà nước

Báo cáo năm: Sở Tài chính thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 12, ngày 10 tháng 02 năm sau; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

13. Biểu báo cáo số 13/BCĐP về một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu

Báo cáo 6 tháng, năm: Cục Thống kê, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện và gửi về Sở Xây dựng chậm nhất là ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12, ngày 10 tháng 02 năm sau; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng chậm nhất là ngày 15 tháng 6, ngày 15 tháng 12, ngày 15 tháng 02 năm sau.

Điều 6. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ

1. Các biểu mẫu báo cáo để thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc các lĩnh vực của ngành xây dựng được ban hành tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Chế độ báo cáo được thực hiện định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm được quy định tại Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

a) Biểu số 1, 2, 3 về sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản cung cấp thông tin được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

Báo cáo tháng: Sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5 về tình hình giao dịch bất động sản.

Báo cáo tháng: Chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

c) Biểu mẫu số 6 về số lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng/chứng thực.

Báo cáo tháng: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân phường, xã thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

d) Biểu mẫu số 7a, 7b, 7c, 7d báo cáo của chủ đầu tư về thông tin dự án nhà ở.

Báo cáo tháng: Chủ đầu tư cung cấp thông tin dự án nhà ở thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng chậm nhất 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án và khi có quyết định điều chỉnh (nếu có).

đ) Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản.

Báo cáo quý: Chủ đầu tư thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

e) Biểu số 9 về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà.

Báo cáo quý: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

g) Biểu số 10 về quản lý nhà chung cư.

Báo cáo 6 tháng: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

h) Biểu số 11, 12 báo cáo thông tin về sử dụng đất ở của địa phương.

Báo cáo 6 tháng: Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

i) Biểu số 13 báo cáo số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Báo cáo 6 tháng: Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện báo cáo về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư có đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh bất động sản Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 7 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo; Sở Xây dựng tổng hợp, gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 20 tháng đầu tiên của kỳ sau.

k) Biểu số 14, 15 tổng hợp số lượng nhà ở đô thị, nông thôn tại địa phương.

Báo cáo năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo.



Điều 7. Chế độ báo cáo thống kê số liệu chuyên ngành Xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố

Các biểu mẫu báo cáo để thống kê số liệu chuyên ngành Xây dựng để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

1. Biểu báo cáo số 1 - Báo cáo về tình hình cấp Giấy phép xây dựng

Báo cáo tháng: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 hàng tháng.

2. Biểu báo cáo số 2 - Báo cáo tiến độ bố trí, sử dụng nhà ở, đất ở phục vụ tái định cư

Báo cáo quý, 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

3. Biểu báo cáo số 3 - Báo cáo về nhu cầu tái định cư trong các dự án trọng điểm.

Báo cáo quý, 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

4. Biểu báo cáo số 4 - Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Báo cáo quý, 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 3, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

5. Biểu báo cáo số 5 - Báo cáo số công trình xây dựng trên địa bàn

Báo cáo năm: Các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 12, ngày 10 tháng 3 năm sau.

6. Biểu báo cáo số 6 - Báo cáo sự cố công trình xây dựng trên địa bàn

Báo cáo quý, 6 tháng, năm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 3, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

7. Biểu báo cáo số 7 - Báo cáo về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn

Báo cáo năm: Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 12, ngày 10 tháng 02 năm sau.

8. Biểu báo cáo số 8 - Báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Chương trình di dời nhà trên và ven kênh rạch

Báo cáo quý, 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 3, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

9. Biểu báo cáo số 9 - Báo cáo danh sách các tổ chức, cá nhân thực tế hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quận, huyện, khu chế xuất, khu công nghiệp

Báo cáo 6 tháng, năm: Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

10. Biểu báo cáo số 10 - Báo cáo thống kê sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng chủ yếu

Báo cáo 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện; các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm ước tính và ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm chính thức.

11. Biểu báo cáo số 11 - Báo cáo danh sách các dự án, công trình xây dựng thuộc đối tượng bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn

Báo cáo 6 tháng, năm: Các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao; các Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình thuộc sở - ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10 tháng 6, ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm ước tính và ngày 10 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm chính thức.

12. Biểu báo cáo số 12 - Báo cáo sơ kết 6 tháng hoặc tổng kết năm về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Báo cáo 6 tháng, năm: Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện, báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm.

Điều 8. Nội dung và hình thức báo cáo

1. Nội dung báo cáo gồm:

a) Phần số liệu điền vào các biểu mẫu tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng;

b) Phần đánh giá tổng hợp về tình hình hoạt động xây dựng được nêu tại báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm (biểu mẫu 13).

2. Báo cáo được gửi bằng hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử, gửi về Sở Xây dựng theo quy định.

a) Văn bản giấy: Báo cáo theo mẫu, tài liệu kèm theo (nếu có) đã được thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký, đóng dấu.

b) Văn bản điện tử: Báo cáo theo mẫu, tài liệu kèm theo (nếu có) được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử (riêng văn bản do thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký, đóng dấu được quét ảnh - Scanner hoặc sử dụng chữ ký điện tử; hoặc khi có đầy đủ thông tin về người gửi, đảm bảo tính xác thực về nguồn gốc và sự toàn vẹn của văn bản) do người phụ trách đầu mỗi đơn vị gửi xác thực và gửi địa chỉ hộp thư điện tử sxd@tphcm.gov.vn.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về chế độ thông tin báo cáo thống kê về xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các cá nhân, tổ chức thực hiện nghiêm túc việc báo cáo theo quy định tại Quy định này; là cơ quan đầu mối tại địa phương chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng và gửi báo cáo định kỳ về Bộ Xây dựng (bằng văn bản và gửi bằng thư điện tử Tệp dữ liệu báo cáo định dạng bảng tính Excel).

Điều 11. Các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng; tổng hợp, cung cấp số liệu cho Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo theo Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan

Biểu số 1

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10 hàng tháng

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số TT	GPXD công trình (không phải nhà ở riêng lẻ)		GPXD nhà ở riêng lẻ		GPXD có thời hạn		Xử lý vi phạm hành chính			
	Tổng số GPXD	Tổng diện tích sàn xây dựng	Tổng số GPXD	Tổng diện tích sàn xây dựng	Tổng số GPXD	Tổng diện tích sàn xây dựng	Công trình sai phép	Không phép		Vi phạm khác
								Đủ ĐK cấp GPXD	Không đủ ĐK cấp GPXD	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 2

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận (huyện)

Định kỳ báo cáo: Chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10/3, 10/6, 10/12 đối với báo cáo năm

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ

Số TT	Địa điểm nhà ở, đất ở phục vụ tái định cư	Số lượng		Tình hình bố trí, sử dụng							Ghi chú	
		Căn hộ	Nền đất	Đã bố trí					Còn trống			
				Bán trả một lần	Bán trả chậm 01 năm	Bán trả góp 10 năm	Cho thuê	Tạm cư	Đã ký HĐ như chưa nhận căn hộ hoặc	Chưa ký HĐ		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 3

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10/3, 10/6, 10/12 đối với báo cáo năm

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU TÁI ĐỊNH CƯ TRONG CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

STT	Dự án trọng điểm/Bồi thường GPMB	Chủ đầu tư	Tổng số hộ bị ảnh hưởng	Trong đó			Thời gian giải phóng mặt bằng dự kiến		Tổng nhu cầu nhà ở, đất ở TĐC		Đề xuất dự án (địa điểm) tái định cư	Ghi chú
				Một phần	Toàn phần	Đơn vị, tổ chức	Bắt đầu (tháng/năm)	Kết thúc (tháng/năm)	Căn hộ	Nền đất		

*** Ghi chú:**

Nhu cầu tái định cư được thống kê trên cơ sở phát sinh so với kỳ báo cáo trước

Người lập biểu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 4

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối quý,
ngày 10/3, 10/6, 10/12 đối với báo cáo năm**BÁO CÁO SỐ LIỆU
NHÀ TRỌ DO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI**

STT	Tên xã, phường	Số nhà trọ xây dựng mới	Diện tích xây dựng mới (m ²)	Số phòng phát sinh mới	Số chỗ cho thuê phát sinh mới	Số nhà trọ được cấp giấy phép kinh doanh mới	Số nhà trọ đạt chất lượng theo QĐ số 75/2006/QĐ-UBNDTP	Số nhà trọ không đạt chất lượng theo QĐ số 75/2006/QĐ-UBNDTP	Ghi chú
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
...	Tổng cộng								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 5

Đơn vị thực hiện: UBND quận - huyện

Định kỳ báo cáo: Chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10/3, 10/6, 10/12 đối với báo cáo năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số TT	Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn	Tổng số công trình đã kiểm tra	Công trình vi phạm			Theo dõi QĐ xử lý vi phạm hành chính			Theo dõi QĐ cưỡng chế			
			Sai phép	Không phép		Vi phạm khác	Đã thực hiện xong	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện xong	Đang thực hiện	Chưa thực hiện
				Đủ ĐK cấp GPXD	Không đủ ĐK cấp GPXD							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)



Biểu số 6

Đơn vị thực hiện: Các Ban Quản lý khu đô thị mới,
Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao
và Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/12, 10/3
năm sau

BÁO CÁO SỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN NĂM

Số TT	Loại công trình		Cấp công trình				
			ĐB	I	II	III	IV
1	Dân dụng	Công trình chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá			2(3)		
		Nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên					
		Công trình công cộng					
		Công trình dân dụng khác					
2	Công nghiệp	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng					
		Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo					
		Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản					
		Công trình dầu khí					
		Công trình năng lượng					
		Công trình hóa chất					
		Công trình công nghiệp nhẹ					
		Công trình công nghiệp khác					
3	Hạ tầng kỹ thuật	Cấp nước					
		Thoát nước					
		Xử lý chất thải rắn					
		Công trình chiếu sáng công cộng					
		Công trình khác					
		Đường bộ					



4	Công trình giao thông	Đường sắt					
		Cầu					
		Hầm					
		Công trình đường thủy nội địa					
		Công trình hàng hải					
		Công trình hàng không (bao gồm các công trình bảo đảm hoạt động bay)					
		Công trình giao thông khác					
5	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Công trình thủy lợi: hồ chứa nước; đập ngăn nước (bao gồm đập tạo hồ, đập ngăn mặt, giữ ngọt, điều tiết trên sông, suối..v.v.. tràn xả lũ; cống lấy nước, cống tiêu nước, cống xả nước; kênh, đường ống dẫn nước; đường hầm thủy công; trạm bơm tưới - tiêu)					
		Công trình đê điều: đê sông, đê biển; đê cửa sông và các công trình trên đê, trong đê và dưới đê					
		Công trình chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản					
		Các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn khác					
TỔNG SỐ							

Ghi chú

*Cách ghi: số lượng công trình đã hoàn thành để trong dấu (). Ví dụ 2 công trình chung cư cấp II đang thi công và 3 công trình chung cư cấp II đã hoàn thành thi công xây dựng → ghi là 2 (3).

*Đơn vị chỉ báo cáo số lượng các công trình đang thi công xây dựng và số công trình đã hoàn thành thi công xây dựng do UBND quận, huyện hoặc UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc cấp phép xây dựng.

Người lập biểu
(Ky, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 7

Đơn vị thực hiện: Sở LĐT&XH, Các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/12, 10/3 năm sau

BÁO CÁO SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN

Loại công trình chính	Sự cố đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I	Sự cố cấp II	Sự cố cấp III
	Đang thi công	Đang sử dụng			
Dân dụng					
Công nghiệp					
Hạ tầng kỹ thuật					
Giao thông					
Nông nghiệp và PTNT					
Tổng số					

* Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người

* Đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)



Biểu số 8

Đơn vị thực hiện: Các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân quận - huyện

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/12, 10/3 năm sau

**BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
NĂM.....**

Số TT	Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra				Đã tổ chức nghiệm thu				Không chấp thuận nghiệm thu				
		Cấp công trình				Cấp công trình				Cấp công trình				
		I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	
1	Dân dụng	Nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá												
		Nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên												
		Công trình công cộng												
		Công trình dân dụng khác												
2	Công nghiệp	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng												
		Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo												
		Công trình khai thác mỏ và chế biến												
		Công trình dầu khí												
		Công trình năng lượng												
		Công trình công nghiệp hóa chất												
		Công trình công nghiệp nhẹ												
		Công trình công nghiệp khác												
3	Hạ tầng kỹ thuật	Cấp nước												
		Thoát nước												
		Xử lý chất thải rắn												
		Công trình chiếu sáng công cộng												
		Công trình khác												
4	Công trình giao thông	Đường bộ												
		Đường sắt												
		Cầu												
		Hầm												
		Công trình đường thủy nội địa												

		Công trình hàng hải																	
		Công trình hàng không (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay)																	
		Công trình khác																	
5	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Công trình thủy lợi: hồ chứa nước; đập ngăn nước (bao gồm đập tạo hồ, đập ngăn mặn, giữ ngọt, điều tiết trên sông, suối,...v.v.. Tràn xả lũ; cống xả nước; kênh, đường ống dẫn nước; đường hầm thủy công; trạm bơm tưới - tiêu)																	
		Công trình đê điều: đê sông; đê biển; đê cửa sông và các công trình trên đê																	
		Công trình chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản																	
		Các công trình nông nghiệp và phát triển nông nghiệp khác																	
TỔNG SỐ																			
Trong đó số công trình thẩm định thiết kế theo Luật Xây dựng năm 2014																			

Ghi chú

* Đơn vị báo cáo số lượng công trình đã thẩm tra, thẩm định thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu theo thẩm quyền. UBND các quận, huyện: nhà ở riêng lẻ từ 07 tầng trở lên hoặc nhà ở riêng lẻ có kết hợp văn phòng, thương mại-dịch vụ từ 07 tầng trở lên do UBND quận, huyện cấp GPXD; các công trình khác đã được quy định tại Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ do UBND quận, huyện hoặc UBND phường, xã, thị trấn phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc cấp phép xây dựng

* Đồng thời, báo cáo về chất lượng khảo sát thiết kế, chất lượng thi công xây dựng, cụ thể như sau:

1) Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra, thẩm định thiết kế)

- Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra
- Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm định
- Chất lượng thiết kế
- + Sai sót trong việc tính toán kết cấu, thiết kế công trình hoặc thể hiện sai trên bản vẽ dẫn tới không đảm bảo an toàn của công trình dẫn đến phải chỉnh sửa thiết kế
- + Vi phạm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình
- + Vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế hoặc có nhiều sai sót khác đòi hỏi phải tính toán, chỉnh sửa lại toàn bộ hồ sơ thiết kế.

(Trường hợp việc thẩm tra, thẩm định thiết kế công trình được thực hiện bởi tổ chức tư vấn)

- Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền, tỷ lệ % trước và sau thẩm tra, thẩm định): cắt giảm chi phí được tính dựa trên dự toán do chủ đầu tư trình (áp dụng cho từng công trình)

+ Số tiền cắt giảm = Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình - Giá trị dự toán sau khi thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

+ Tỷ lệ cắt giảm (%) = $\frac{\text{Số tiền cắt giảm}}{\text{Giá trị dự toán do chủ đầu tư trình}} \times 100$

2) Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong quá trình thi công và kiểm tra công tác nghiệm thu)

- Số lượng công trình được kiểm tra
- Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng

* Lưu ý: Báo cáo về số lượng công trình có chất lượng thi công xây dựng không đạt yêu cầu khi có vi phạm sau:

+ Để xảy ra sự cố công trình hoặc sai sót lớn về chất lượng công trình ảnh hưởng đến an toàn, công năng sử dụng của công trình

+ Vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, không đủ cơ sở để được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng

- Đánh giá tổng thể chất lượng công trình xây dựng sau khi nghiệm thu (Đánh giá so với cùng kỳ năm trước và các khó khăn, vướng mắc)

**Lưu ý: Ghi rõ cụ thể số liệu cùng kỳ năm trước, so sánh các số liệu, tỷ lệ trong kỳ báo cáo. Các khó khăn, vướng mắc cụ thể chi tiết từng công tác*

2.1) Về thực hiện công tác quản lý nhà nước

- a) Về công tác hướng dẫn
- b) Về kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất
- c) Về công tác báo cáo sự cố và giải quyết sự cố
- d) Về công tác tổng hợp, báo cáo về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công
- e) Về công tác thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu các công
- f) Về công tác phối hợp Sở, ban, ngành kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng các công trình trên địa bàn xây dựng

2.2) Về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng công trình

- a) Số công trình đang thi công xây dựng và số công trình đã hoàn thành thi công xây dựng
- b) Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng
- c) Tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng
 - Thẩm tra, thẩm định thiết kế
 - Kiểm tra công tác nghiệm thu
 - Chất lượng khảo sát, thiết kế
 - Chất lượng thi công xây dựng
 - Các giải thưởng về chất lượng công trình
- 3) Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử phạt hành chính và được đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương.
- 4) Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng, đình chỉ khai thác, sử dụng.
- 5) Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi tên)



Biểu số 9

Đơn vị thực hiện: UBND quận - huyện

Định kỳ báo cáo: Chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối quý, ngày 10/3, 10/6, 10/12 đối với báo cáo năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BỒI THƯỜNG GPMB CHƯƠNG TRÌNH DI DỜI NHÀ
TRÊN VÀ VEN KÊNH RẠCH - NĂM 20...**

(Tính đến ngày / /20.....)

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (trường hợp)	Trong đó		Lũy kế BT GPMB đến năm 20... (trường hợp)	Đã thực hiện BT GPMB năm 20...(trường hợp)					Tiếp tục bồi thường (trường hợp)	Tổng giá trị bồi thường (tỷ đồng)	Đã được ghi vốn đến Quý .../20... (tỷ đồng)	Lũy kế ghi vốn đến Quý .../20... (tỷ đồng)	Đề xuất ghi vốn đợt tiếp theo (tỷ đồng)	Ghi chú (tiến độ cụ thể của dự án, các khó khăn vướng mắc - nếu có)
				Một phần	Toàn phần		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I Dự án đang thực hiện BT GPMB																	
1																	
2																	
3																	
4																	
II Dự án chuẩn bị công tác bồi thường																	
1																	
2																	
3																	

III Dự án chưa có kế hoạch triển khai																
1																
2																
Tổng cộng (I+II+III)																

*** Ghi chú:**

- Cột (4)=(5)+(6) : Quy mô thực hiện BT GPMB toàn dự án;
- Cột (7) : Lũy kế thực hiện công tác BT GPMB tính đến hết tháng 12 năm trước năm thực hiện báo cáo;
- Cột (8)=(9)+(10)+(11)+(12) : Tình hình thực hiện BT BPMB trong năm thực hiện báo cáo;
- Cột (14) : Tổng giá trị thực hiện BT GPMB toàn dự án;
- Cột (15) : Lũy kế đã được UBND/TP ghi vốn thực hiện công tác BT GPMB từ khi bắt đầu dự án đến khi thực hiện báo cáo, tính luôn giá trị vốn (16);
- Cột (16) : Giá trị đã được UBND/TP ghi vốn thực hiện công tác BT GPMB gần nhất khi thực hiện báo cáo;
- Cột (17) : Giá trị vốn đề xuất UBND/TP ghi vốn trong kế hoạch phân bổ vốn đợt tiếp theo.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 10

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/6, 10/12, 10/3 năm sau

**BÁO CÁO DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC TẾ
HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC VLXD TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN – HUYỆN...
/ KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHIỆP
(Tính đến ngày.....)**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ hoạt động			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	VLXD do đơn vị khai thác; loại sản phẩm, hàng hóa do đơn vị sản xuất, kinh doanh		
		Khai thác	Sản xuất	Kinh doanh		Khai thác	Sản xuất	Kinh doanh
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9
1	Cơ sở A	Số 50 đường Nguyễn Văn C – P.1 _ Q Thủ Đức		Số 17 đường Trần Xuân Soạn – P 1 – Q.4	Số ngày tháng năm.... (Nơi cấp)	Đá		Đá, Gỗ
2	Công ty B		Số 7 đường Nguyễn Văn A – Xã B - H. Bình Chánh	Số 7 đường Nguyễn Văn A – Xã B- H. Bình Chánh	Số ngày tháng năm.... (Nơi cấp)		Gạch men	Gạch men
3	Doanh nghiệp C	Số 150 đường Kha Vạn Cân – P.1 _ Q Thủ Đức		Số 117 đường Nguyễn Văn Thủ – P.5 -Q. Thủ Đức	Số ngày tháng năm.... (Nơi cấp)	Cát		Cát, Sắt thép các loại
...								

Ghi chú:

- Tại cột số 7, 8 và 9, đề nghị xác định cụ thể mặt hàng VLXD do tổ chức, cá nhân khai thác, sản
- Chữ in nghiêng là những ví dụ minh họa.

Người lập biểu
(Ký tên, họ tên)

Ngày tháng năm
Ủy ban nhân dân quận/huyện ...
/Ban Quản lý các khu chế xuất và
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 11

Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận - huyện, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/6, 10/12, 10/2 năm sau

**BÁO CÁO THỐNG KÊ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU**

Tên doanh nghiệp:

Điện thoại:

Địa chỉ trụ sở:

Địa điểm sản xuất:

STT	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Tỷ lệ % thực hiện so cùng kỳ năm trước	Ghi chú
-1	-2	-3	-4	-5	(6)=(5)/(4)	-7
1	Xi măng	1000 tấn				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
2	Gạch ốp lát	1000 m²				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
3	Sứ vệ sinh	1000 sản phẩm				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
4	Kính xây dựng	1000 m²				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
5	Gạch xây các loại					
5,1	Gạch xây nung	1000 viên				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
5,2	Gạch xây không nung	1000 viên				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
6	Tấm lợp	1000 m²				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
7	Đá ốp lát	1000 m²				
	Tổng công suất thiết kế					

	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
8	Vôi công nghiệp	1000 tấn				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					
9	Vật liệu xây dựng khác: ... <i>(ghi cụ thể loại vật liệu)</i>	<i>Tùy theo chúng loại vật liệu, đơn vị thể hiện đơn vị tính sản phẩm cho phù hợp: 1000 tấn / 1000 m² / 1000 sản phẩm...</i>				
	Tổng công suất thiết kế					
	Tổng sản lượng sản xuất					
	Tổng sản lượng tiêu thụ					

- Khó khăn, vướng mắc của đơn vị (nếu có) trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Đề xuất, kiến nghị

Ghi chú:

- Gạch xây nung: Quy đổi về loại 220 x 105 x 60 mm.
- Gạch xây không nung: Quy đổi về tiêu chuẩn 100 x 400 x 200 mm.
- Kính xây dựng: Các loại kính được quy đổi về loại 2 mm.
- Cột (7): Đề nghị ghi rõ địa điểm sản xuất.
- Chữ in nghiêng chỉ mang tính chất hướng dẫn.

Người lập biểu
(Ký tên, họ tên)

Ngày tháng năm
Đại diện đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 12

Đơn vị thực hiện: Các Ban Quản lý khu đô thị mới, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao; các Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình thuộc Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện; các chủ đầu tư xây dựng, nhà sản xuất VLXD không nung.

Định kỳ báo cáo: chậm nhất là ngày 10/6, 10/12, 10/2 năm sau

**BÁO CÁO DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG BẮT BUỘC SỬ DỤNG
VẬT LIỆU XÂY KHÔNG NUNG TRÊN ĐỊA BÀN**

Số TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Địa chỉ - Điện thoại liên lạc của chủ đầu tư	Nguồn vốn thực hiện	Đơn vị lập DA, Đơn vị tư vấn thiết kế (Tên địa chỉ, điện thoại liên lạc, người phụ trách)	Tài liệu pháp lý (QĐ duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, QĐ duyệt điều chỉnh (nếu có); QĐ duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán và QĐ duyệt điều chỉnh (nếu có); QĐ ghi vốn (trường hợp nguồn vốn ngân sách TP); Giấy phép XD (trường hợp không sử dụng nguồn vốn ngân sách TP)	Quy mô dự án/Công trình			Thời điểm khởi công	Tiến độ thực hiện	Tình hình sử dụng VLXKN theo quy định			Ghi chú
								Số tầng	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng thể tích khối xây của công trình (m3)			Tỷ lệ (%) đã sử dụng VLXKN trong công trình	Loại VLXKN sử dụng; Đơn vị sản xuất, cung cấp	Định hướng sử dụng VLXKN trong kỳ báo cáo tiếp theo	
I/ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIỆM THU HOÀN THÀNH, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG																
1																
2																
...																

II/- DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH ĐANG TRIỂN KHAI															
1															
2															
...															

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi tên)

Biểu số 13

Đơn vị thực hiện: UBND quận, huyện
Định kỳ báo cáo: chậm nhất ngày 10/6,
10/12, 10/3

UBND QUẬN/HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Sơ kết 6 tháng hoặc tổng kết năm
về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn

I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Ban hành hoặc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

2. Công tác xây dựng và quản lý quy hoạch

- a) Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch ngành
- b) Lập, thẩm định, quy hoạch xây dựng (vùng, đô thị, nông thôn, phân khu chức năng...)

3. Công tác cấp Giấy phép

- a) Giấy phép xây dựng
- b) Giấy phép xây dựng qua mạng (về số lượng, tỷ lệ % hồ sơ cấp Giấy phép xây dựng nhận qua mạng), có đánh giá, đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng qua mạng tại đơn vị
- c) Giấy phép khác

4. Quản lý chất lượng công trình xây dựng và chất lượng công trình xây dựng

- a) Tham gia ý kiến thiết kế cơ sở
- b) Thẩm định dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật
- c) Thẩm tra thiết kế
- d) Kiểm tra, nghiệm thu công trình hoàn thành
- e) Sự cố công trình;

5. Quản lý trật tự đô thị

6. Quản lý chi phí đầu tư đối với nguồn vốn nhà nước

7. Quản lý sản xuất vật liệu xây dựng

8. Quản lý nhà và công sở

9. Công tác phát triển nhà ở, triển khai xây dựng nhà ở xã hội và thị trường bất động sản

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

II. THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân quận, huyện thống kê số liệu liên quan các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn, gồm tiêu chí sau:



STT	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu
01	Tỷ lệ trụ sở cơ quan nhà nước đảm bảo tiếp cận đối với người khuyết tật		
02	Tỷ lệ bệnh viện tuyến Trung ương đảm bảo tiếp cận đối với người khuyết tật		
03	Tỷ lệ bệnh viện tuyến tỉnh đảm bảo tiếp cận đối với người khuyết tật		
04	Số quận/huyện có Ủy ban nhân dân đảm bảo tiếp cận đối với người khuyết tật		

2. Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu
3. Công tác quản lý thực hiện dự án
4. Công tác an toàn lao động
5. Thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

III. PHƯƠNG HƯỚNG

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận

- Sở Xây dựng (để báo cáo);
- Lưu VT.